

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày: 12-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Đảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hiền;

Ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức A, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1988 tại Quảng Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị D; có vợ là Trương Thị E, sinh năm 1991 và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Có 02 tiền án: Bản án số 34/2009/HSST ngày 11-12-2009 của TAND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án, về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 23/2015/HSST ngày 28-10-2015 của TAND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-3-2017; tiền sự: 01 tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPVPHC ngày 06-02-2018 của Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ, Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình từ ngày 02-3-2018 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

Anh Võ Doãn Kh, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Doãn K, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Võ Văn S, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

2. Anh Võ Phi T, địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

3. Anh Đặng Xuân N, địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 02 tháng 3 năm 2018, Nguyễn Đức A (bị cáo trong vụ án) đi bộ từ nhà ở thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đến quán ăn vật hiệu SUMO ở thôn X, xã X, thấy xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển số đăng ký (BĐK) 64 KNN (xe của anh Võ Doãn K mượn của bố là ông Võ Doãn K) dựng dưới mái hiên trước Quán nên nảy sinh ý định trộm cắp để làm phương tiện đi lại. Nguyễn Đức A đến gặp anh Võ Văn S (sinh năm 2001) đang ở nhờ tại thôn X, xã X, mượn 01 chiếc chìa khóa xe (loại Exciter), quay lại quán SUMO, dùng chìa khóa mở khóa điện, lấy trộm được xe BĐK 64 KNN, Nguyễn Đức A đi xe đến trả lại chìa khóa cho anh Võ Văn S, rồi đến nhà Đặng Xuân N (sinh năm 1987, ở thôn X, xã X) chở Đặng Xuân N về nhà bạn có tên là “Cu Chó” ở thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình xin Heroine để sử dụng, nhưng không có. Sau đó, Nguyễn Đức A điều khiển xe BĐK 64 KNN đưa Đặng Xuân N về nhà, rồi điều khiển xe đi tiếp, khi đến đoạn giữa ngã tư N và ngã năm L đường liên xã thì bị lực lượng Đoàn Công an N, Công an huyện Quảng Ninh bắt quả tang, thu giữ xe BĐK 64 KNN là vật chứng vụ án.

Tại bản Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá xe mô tô nhãn hiệu BOSS, biển số đăng ký (BĐK) 64 KNN tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị là 2.500.000 đồng.

Về vật chứng vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (Cơ quan CSĐT) đã thu giữ để điều tra vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu BOSS, loại xe: Nữ, màu sơn: Nâu, dung tích xylanh: 97cm³, số khung: SB10AD5H-, số máy: VMESE-, BĐK 64 KNN, xe đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khóa xe (loại khóa xe mô tô nhãn hiệu Exciter), ngày 12-7-2018 đã trả lại xe cho ông Võ Doãn K, trả lại chìa khóa xe cho anh Võ Văn S.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Doãn K, ông Võ Doãn K không yêu cầu

bồi thường, không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cơ quan CSĐT, bị cáo Nguyễn Đức A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, như nội dung của bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố.

Bản Cáo trạng số 15/THQCT-KSĐT-KT ngày 07 tháng 8 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, luận tội chứng minh bị cáo Nguyễn Đức A đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo Nguyễn Đức A đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Võ Doãn K là người đang quản lý hợp pháp tài sản xe mô tô BDK 64 KNN, có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 2.500.000 đồng, mức quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự hiện hành (BLHS), đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của BLHS là “*Tái phạm nguy hiểm*”, thuộc tình tiết quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS nên giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A với mức án từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về vật chứng vụ án: Đã xử lý trong giai đoạn điều tra nên không còn phải xử lý. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

- Bị cáo trình bày: Bị cáo Nguyễn Đức A khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; lời luận tội, hình phạt và mức án đề nghị của Kiểm sát viên; nhận thức tội lỗi, hậu quả của tội phạm đối với xã hội do mình gây ra; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chấp nhận sự trừng phạt của pháp luật, nhưng xin được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì hoàn cảnh gia đình Bị cáo khó khăn, không ổn định, trong khi con còn nhỏ dại; hứa cố gắng sẽ cải tạo tốt để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, làm ăn lương thiện; lao động, làm việc tạo thu nhập chính đáng.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Doãn K trình bày đã nhận lại tài sản; không bị hư hỏng, thiệt hại gì nên không có yêu cầu về bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức A thống nhất, hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Ngày 02-3-2018, vào khoảng 07 giờ 30 phút, sau khi quan sát, bị cáo Nguyễn Đức A đã chuẩn bị công cụ rồi thực hiện hành vi lén lút lấy tài sản của anh Võ Doãn K (người đang quản lý hợp pháp), với thủ đoạn lợi dụng lúc người quản lý tài sản sơ hở theo học mà không gửi cho người khác, tài sản không có người trực tiếp trông giữ, thời gian không có người qua lại để mở khóa điện, lấy xe mô tô BDK 64 KNN dựng dưới mái hiên trước quán SUMO ở thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Quảng Bình rồi tẩu thoát khỏi hiện trường. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức A thuộc lỗi cố ý, Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Trị giá tài sản mà Bị cáo đã chiếm đoạt trong vụ án là 2.500.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự (hiện hành), thì:
“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm;

...”

Bị cáo Nguyễn Đức A đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá là 2.500.000 đồng; đã bị kết án về “Tội trộm cắp áp tài sản” theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tương ứng là Điều 173 Bộ luật Hình sự hiện hành (BLHS), hành vi của Bị cáo đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS; đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp

“Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của BLHS, là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Quyết định truy tố Bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tại bản Cáo trạng và lời luận tội, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ pháp luật, đúng thực tế khách quan.

Hành vi phạm tội của Bị cáo gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân trước tình hình an ninh trật tự trên địa bàn diễn biến phức tạp, do đó cần phải xử lý nghiêm khắc, mức hình phạt tương ứng với tính chất vụ án mới có tác dụng cải tạo, giáo dục Bị cáo và đề răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng xem xét các tình tiết khác để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với Bị cáo.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt* đối với bị cáo Nguyễn Đức A: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Q, tỉnh Quảng Bình là 01 lần; có tình tiết tăng nặng định khung nên không thuộc tình tiết tăng nặng, không có tình tiết tăng nặng khác quy định tại Điều 52 của BLHS. Tuy nhiên, Bị cáo có nhân thân xấu, thể hiện qua việc Bị cáo có 02 tiền án, đều phạm tội do cố ý (“Tội trộm cắp tài sản”), chưa được xóa án tích; có 01 tiền sự, ngoài ra, Bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2009/HSST, ngày 31-3-2009 (đã thi hành án xong, không coi là tiền án).

Về tình tiết giảm nhẹ, trị giá tài sản 2.500.000 đồng mà Bị cáo đã chiếm đoạt là không lớn; Bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho Bị cáo.

[4] *Về vật chứng*: Trong quá trình tiến hành tố tụng vụ án, Cơ quan chức năng đã xử lý vật chứng đúng theo quy định của pháp luật nên không còn phải xử lý.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 298; khoản 1, khoản 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức A phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A 30 (ba mươi) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 02 tháng 3 năm 2018.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Nguyễn Đức A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đức A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q.Ninh;
- Công an huyện Q.Ninh;
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- CQ THADS huyện Q;
- CQ THAHS-CA huyện Q.Ninh;
- CQ THAHS-CA tỉnh Q.Bình;
- TAND tỉnh Q.Bình;
- Sở Tư pháp Q.Bình;
- Lưu hồ.sơ vụ án, lưu TAQN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)

Nguyễn Mậu Đảo